TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'DRẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2019/HS-ST
Ngày: 08 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'DRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Đo Niê, ông Nguyễn Võ.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hoà Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện M'Drắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Drắk tham gia phiên toà: Ông Cao Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M'Drắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2019/TLST-HS, ngày 09 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thành Q**, sinh năm 1988, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Thợ sửa chữa máy tính; dân tộc: kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Thành T, sinh năm 1957 và con bà Lê Thị B, sinh năm 1964; có vợ là Hà Thị Bích D, sinh năm 1990; có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thành Q:* Bà Nguyễn Thị Bích N – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Bị hại*: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1967 và bà Lê Thị D (N), sinh năm 1969 (ông H vắng mặt, bà D có mặt).

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Trần Bình Đ, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk;

2. Anh Tống Văn H1, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk;

3. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk;

4. Ông Phạm Công T1, sinh năm 1951 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk;

5. Bà Đặng Thị G, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk;

6. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk;

7. Chị Hà Thị Bích D, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk;

8. Ông Lê Thành T, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, ông Lê Thành T và ông Lê Thanh H xảy ra tranh chấp khoảng hơn 4.000m^2 đất rẫy tại thôn 8, xã E, huyện M. Ông T nói với con trai là Lê Thành Q gặp ông H đề nghị ông H giao lại diện tích đất này cho Q sử dụng. Q đã gặp và nói chuyện với ông H về việc giao đất nhiều lần, nhưng ông H không đồng ý.

Trong thời gian từ ngày 09/01/2017 đến ngày 11/01/2017 ông H thuê người nhổ củ mì được ông H trồng từ năm 2016 trên diện tích rẫy nêu trên và trồng lại cây mì ngay trên diện tích 3.297m^2 mà ông H mới thu hoạch nằm trong tổng số diện tích hơn 4.000m^2 đất đang tranh chấp. Đến ngày 08/02/2017, Lê Thành Q thuê anh Trần Bình Đ cày diện tích đất 3.297m^2 mà ông H đã trồng mì vào tháng 01/2017 để lên luống trồng cây mía. Ngày 10/02/2017, ông H vào thăm rẫy phát hiện cây mì bị cày phá nên đã làm đơn trình báo với cơ quan Công an.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 09/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M'Drăk kết luận: Giá trị cây mì được trồng khoảng 01 tháng tuổi trên diện tích 3.297m^2 có giá trị là 2.769.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm sáu mươi chín ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Drắk truy tố bị cáo Lê Thành Q về tội "Hủy hoại tài sản" theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Thành Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với bị cáo, đưa ra các chứng cứ buộc tội và đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra đồng thời giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, h, i, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS; Xử phạt bị cáo Lê Thành Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 585 Bộ luật dân sự. Chấp nhận việc bị cáo Lê Thành Q đã tự nguyện bồi thường cho gia đình ông Lê Thanh H số tiền 6.000.000 đồng, gia đình ông Lê Thanh H không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ: Thống nhất với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát về hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo Lê Thành Q được hưởng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát và áp dụng Điều 36 BLHS cho bị cáo Lê Thành Q được cải tạo không giam giữ.

Bị cáo không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định: Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M'Drắk, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Drắk, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa ngày 10/9/2019, người bào chữa cho bị cáo Lê Thành Q có ý kiến về Kết luận định giá tài sản, Tòa án đã Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung và yêu cầu định giá lại tài sản. Tại công văn số 755/CV-VKS ngày 09/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Drắk về việc giữ nguyên quan điểm truy tố và cho cho rằng Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện M'Drắk đã tiến hành định giá theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người người bị hại và những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Do có sự mâu thuẫn về tranh chấp đất đai nên vào ngày 08/02/2017 mặc dù đã biết được gia đình ông Lê Thanh H đã trồng mì vào tháng 01/2017 trên diện tích 3.297m^2 đất tại thôn 8, xã E, huyện M nhưng bị cáo Lê Thành Q đã thuê người cày toàn bộ diện tích đất nêu trên để lên luống trồng mía, gây thiệt hại trị giá 2.769.000 đồng. Vì vậy, hành vi của của bị cáo Lê Thành Q đã đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại tài sản" theo khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại khoản 1 Điều 143 BLHS 1999 quy định:

1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác gây thiệt hại từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Tuy nhiên, theo quy định của Nghị quyết số 41/2017/QH13, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 về việc áp dụng

một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015, thì hành vi phạm tội của bị cáo được xét xử theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại khoản 1 Điều 178 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) quy định:

1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Drắk, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Lê Thành Q về tội "Hủy hoại tài sản" theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ, mặc dù biết được việc gia đình ông H đã trồng mì trên đất nhưng chỉ vì tức giận việc gia đình ông H không giao trả đất cho gia đình bị cáo nên bị cáo đã thuê người cày toàn bộ mì trên đất. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Tuy nhiên, xét về nhân thân gia đình bị cáo là hộ nghèo, sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người khuyết tật nặng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, được gia đình bị hại làm đơn bãi nại và xin miễn trách nhiệm hình sự; gia đình bị cáo có ông, bà nội là người có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo.

[3] Xét luận cứ bào chữa của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Lê Thành Q đề nghị cho bị cáo được cải tạo không giam giữ là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là người khuyết tật nặng nên miễn khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Lê Thành Q.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Lê Thành Q đã tự nguyện bồi thường cho gia đình ông Lê Thanh H số tiền 6.000.000 đồng, gia đình ông Lê Thanh H không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên cần chấp nhận.

[6] Đối với anh Trần Bình Đ do được Lê Thành Q thuê cày đất nên đã dùng máy cày cày 3.297m^2 cây mì của gia đình ông Lê Thanh H. Tuy nhiên khi được Q thuê cày đất anh Định không biết mì này là của gia đình ông H nên không đồng phạm. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện M'Drắk không đề cập xử lý là phù hợp, nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Gia đình bị cáo Lê Thành Q thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Thành Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Lê Thành Q phạm tội *"Hủy hoại tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, h, i, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Thành Q 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tình từ ngày Uỷ ban nhân dân xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Thành Q về cho Uỷ ban nhân dân xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lê Thành Q kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 08/11/2019.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 585 Bộ luật dân sự. Chấp nhận việc bị cáo Lê Thành Q đã tự nguyện bồi thường cho gia đình ông Lê Thanh H số tiền 6.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Thành Q.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Drắk;
- Công an huyện M;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện M;
- THA phạt tù (để thi hành);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- UBND xã E, huyện M;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đình Nam